

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SENKO VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SENKO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SENKO VIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SENKO CONSTRUCTION.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109528567

**3. Ngày thành lập:** 22/02/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 37, Tổ dân phố số 1 ( gần đường Lương Thế Vinh), Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904.7575.15

Fax:

Email: [senkocons.jsc@gmail.com](mailto:senkocons.jsc@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà không để ở                                                         | 4102(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                               | 4101        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                   | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                    | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                        | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                             | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                              | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                               | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                        | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                 | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                           | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                      | 4299        |
| 13. | Phá dỡ                                                                          | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                               | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                           | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí           | 4322        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                  | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                  | 4330        |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                             | 4390        |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản) | 4610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                 | 4653 |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                        | 4659 |
| 23. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn quặng sắt và quặng kim loại màu;<br>- Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh;<br>- Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu;<br>( Trừ kinh doanh vàng miếng) | 4662 |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                | 4663 |
| 25. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                       | 4669 |
| 26. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                      | 4690 |
| 27. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                   | 4752 |
| 28. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                            | 4753 |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                | 4759 |
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                       | 4932 |
| 31. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                         | 4933 |
| 32. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản                                                                                                                                           | 6820 |
| 33. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động thiết kế nội ngoại thất chuyên dụng                                                                                                                                                              | 7410 |
| 34. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                         | 7730 |
| 35. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                | 8110 |
| 36. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                  | 8121 |
| 37. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                      | 8129 |
| 38. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                  | 8130 |
| 39. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>( Loại trừ Dịch vụ báo cáo tòa án, dịch vụ lấy lại tài sản, hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                      | 8299 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 40. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động kiến trúc;<br>- Hoạt động đo đạc và bản đồ;<br>- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước;<br>- Khảo sát xây dựng<br>- Tư vấn lập quy hoạch xây dựng;<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình;<br>- Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng;<br>- Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm; định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy;<br>- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn lựa chọn nhà thầu | 7110 |
| 41. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: - Tư vấn quản lý dự án;<br>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7020 |

**6. Vốn điều lệ:** 25.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức           | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOÀNG ĐỨC ANH | Khu tập thể Viện Khoa học nông nghiệp, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 750.000    | 7.500.000.000         | 30,000    | 001085024298                                                                                |         |
|     |               |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                | Tổng số                   | 750.000    | 7.500.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                                             |                           |           |                |        |              |  |
|---|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|--|
| 2 | ĐỖ QUỐC TOÀN     | TT Đài phát thanh Mễ Trì, TDP số 1, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông         | 750.000   | 7.500.000.000  | 30,000 | 034084003380 |  |
|   |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                                             | Tổng số                   | 750.000   | 7.500.000.000  | 30,000 |              |  |
|   |                  |                                                                                                             |                           |           |                |        |              |  |
| 3 | HOÀNG MẠNH THẮNG | 47 nhà B2 TT công ty XDCN, ngõ 433 Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.000.000 | 10.000.000.000 | 40,000 | 013277044    |  |
|   |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                                             | Tổng số                   | 1.000.000 | 10.000.000.000 | 40,000 |              |  |
|   |                  |                                                                                                             |                           |           |                |        |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG MẠNH THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/04/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013277044

Ngày cấp: 13/03/2010

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 47 nhà B2 TT công ty XDCN, ngõ 433 Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 47 nhà B2 TT công ty XDCN, ngõ 433 Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội